

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ngày 02 - 11 - 2021

V/v: Khởi kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông A Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn;

Bà Vũ Thi Thu Hà.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Hoàng Hải An, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Mai, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 02 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 50/2021/TLPT-HC ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 247/2020/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 8452/2021/QĐ-PT ngày 11/10/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Anh A, sinh năm 1957, có mặt;

Địa chỉ: Xóm Lẻ, thôn B2, xã B1, huyện B, Thành phố Hà Nội;

* *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) huyện B, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến B3 - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị A1, sinh năm 1965, có mặt;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng A2, sinh năm 1957, vắng mặt;
3. Chị Nguyễn Thị Thanh A3, sinh năm 1991, vắng mặt;

4. Chị Nguyễn Thu A4, sinh năm 1989, vắng mặt;
5. Anh Nguyễn Chiến A5, sinh năm 1996, vắng mặt;
6. Cháu Nguyễn Anh A6, sinh năm 2006, vắng mặt;
7. Cháu Bùi A7, sinh năm 2012, vắng mặt;

Cùng trú tại: Xóm Lẻ, thôn B2, xã B1, huyện B, Thành phố Hà Nội.

8. Hộ gia đình ông Nguyễn Hồng A8 (gồm Nguyễn Hồng A8, Vũ Thị A9, Nguyễn Văn A10, Nguyễn Thị A11), vắng mặt;

9. Hộ gia đình ông Nguyễn Anh A12 (gồm Nguyễn Anh A12, Nguyễn Thanh A13, Nguyễn Thu A14, Nguyễn Hồng A8 và Nguyễn Thị A15), có đơn xin xét xử vắng mặt;

10. Hộ gia đình ông Giang Nguyên A16 (gồm Giang Nguyên A16, Nguyễn Thu A17, Giang Nguyên A18 và Giang Nguyên A19), vắng mặt;

11. Hộ gia đình bà Dương Thị A20 (gồm Dương Thị A21, Nguyễn Ngọc A22 và Nguyễn Ngọc A23), vắng mặt;

Cùng trú tại: Xã B1, huyện B, Thành phố Hà Nội.

12. UBND xã B1, huyện B, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Ngọc C, chức vụ Chủ tịch UBND xã B1, huyện B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Anh A, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/12/2015 UBND huyện B, Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định hành chính số 8062/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 8062) về phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án Xây dựng đường giao thông từ làng nghề xã B1, huyện B đi khu đô thị Văn Quán, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội đối với hộ gia đình ông Nguyễn Anh A; theo đó gia đình ông A chỉ được bồi thường, hỗ trợ về tài sản trên đất với số tiền là 96.150.000đ, không được bồi thường, hỗ trợ về quyền sử dụng đất. Không đồng ý với quyết định này, ngày 15/9/2016 ông Nguyễn Anh A đã có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, yêu cầu hủy quyết định số 8062.

* *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện là ông A trình bày như sau:*

Gia đình ông được cấp quyền sử dụng đất nông nghiệp với diện tích 1.020m² tại xã B1, huyện B, Thành phố Hà Nội; ngày 10/5/2000 được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất số Q 817631, tại thửa số 49, tờ bản đồ số 10 thuộc xã B1, huyện B, thời hạn sử dụng đất là 20 năm kể từ ngày 01/4/1999, số vào sổ cấp GCNQSD đất 0355 QSDĐ/38/01. Quá

trình sử dụng đến năm 2004, thực hiện dự án làng nghề đã thu hồi của gia đình ông 135m²; năm 2011 tiếp tục thực hiện dự án cấp ngầm thu hồi tiếp của gia đình ông 465m²; gia đình ông đã nhận tiền bồi thường; diện tích còn lại là 420m² gia đình ông vẫn sử dụng. Ngoài ra, gia đình ông còn thuê đất của các hộ, gồm: Ông Nguyễn Hồng A8, ông Giang Nguyên A16, bà Dương Thị A20 để thực hiện dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, xây dựng trang trại trồng hoa, cây cảnh đã được UBND huyện B phê duyệt tại Quyết định số 736/QĐ-UBND ngày 05/4/2010. Năm 2015, thực hiện dự án giao thông từ làng nghề xã B1 đi khu đô thị Văn Quán, UBND huyện B đã không ban hành quyết định thu hồi đối với diện tích còn lại là 420m² của gia đình ông, dẫn đến Quyết định số 8062 phê duyệt phương án bồi thường đã không xem xét để bồi thường diện tích đất này cho gia đình ông, cũng như UBND huyện B chỉ bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất cho gia đình ông bằng 10% giá trị của công trình là không đúng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Ông cho rằng Quyết định số 8062 ban hành trái pháp luật, không đúng trình tự thủ tục, áp giá trị bồi thường không đúng. Vì vậy, ông đề nghị hủy Quyết định số 8062 của UBND huyện B.

** Người bị kiện là UBND huyện B có ý kiến:*

Khi thực hiện giải phóng mặt bằng cho dự án Đường giao thông làng nghề năm 2015; trong ranh giới thực hiện giải phóng mặt bằng dự án có diện tích đất bị thu hồi thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 10 tại thôn B2, xã B1. Theo hồ sơ lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã B1 có 06 hộ gia đình được giao đất nông nghiệp giao theo Nghị định 64/CP tại thửa đất này bao gồm: Hộ gia đình ông Nguyễn Anh A, hộ gia đình ông Nguyễn Hữu A24, hộ gia đình ông Nguyễn Anh A12, hộ gia đình bà Dương Thị A20, hộ gia đình ông Nguyễn Hồng A8, hộ gia đình ông Giang Nguyên A16. Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ gia đình chỉ thể hiện số tờ bản đồ, số thửa đất và diện tích đất được giao; tại bản đồ địa chính của xã cũng không thể hiện sơ đồ vị trí các thửa đất của các hộ gia đình. Vì vậy, khi thực hiện giải phóng mặt bằng dự án Đường giao thông từ làng nghề xã B1, huyện B đi khu đô thị Văn Quán, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, UBND xã B1 đã mời đại diện các hộ gia đình đến tại UBND xã để thống nhất vị trí sử dụng đất của các hộ gia đình và xác nhận bằng biên bản làm việc ngày 01/8/2015 có sự chứng kiến của UBND xã B1 và chữ ký thống nhất của các hộ gia đình. Sơ đồ phân chia ngày 01/8/2015 được dùng làm cơ sở xác định diện tích thu hồi và lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình khi thực hiện giải phóng mặt bằng dự án Đường giao thông từ làng nghề xã B1, huyện B đi khu đô thị Văn Quán, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội. Sơ đồ được lập căn cứ theo hồ sơ giải phóng mặt bằng của các dự án liên quan đến thửa đất số 49, tờ bản đồ số 10 của hộ gia đình ông Nguyễn Anh A thể hiện:

- Tại dự án Xây dựng cụm sản xuất làng nghề tập trung tại xã B1 thực hiện giải phóng mặt bằng năm 2005. Hộ gia đình ông Nguyễn Anh A sử dụng diện tích 1.020m², bị thu hồi 135m², diện tích còn lại 885m². Hồ sơ kỹ thuật thửa đất của ông Nguyễn Anh A phù hợp với hình thửa theo sơ đồ phân chia xác nhận ngày 01/8/2015 và ông Nguyễn Anh A đã ký tên xác nhận. Hộ gia đình ông Nguyễn Anh

A đã nhận tiền bồi thường hỗ trợ và bàn giao mặt bằng. Do dự án thực hiện đã nhiều năm hiện nay không tìm được các quyết định về việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình ông Nguyễn Anh A chỉ còn lưu trữ hồ sơ kê khai, kiểm đếm, bản hồ sơ kỹ thuật thửa đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản phô tô đã dính chính thu hồi đất để thực hiện dự án).

- Tại dự án INDECO COMPLEX tại một số ô đất và Dự án hạ ngầm đường điện 110KV lộ 172-176 Hà Đông - Thượng Đình đoạn cắt qua khu đô thị Tây Nam Kim Giang I thực hiện giải phóng mặt bằng năm 2010. Hộ gia đình ông Nguyễn Anh A đang sử dụng 885m², bị thu hồi 465m², diện tích còn lại 420m². Hồ sơ kỹ thuật thửa phần đất của ông Nguyễn Anh A phù hợp với hình thửa theo sơ đồ phân chia xác nhận ngày 01/8/2015, ông Nguyễn Anh A không ký tên xác nhận. Tuy nhiên, ông Nguyễn Anh A đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và ký bàn giao mặt bằng diện tích 465m².

- Tại dự án Giải phóng mặt bằng và san nền sơ bộ khu đô thị Tây Nam Kim Giang I theo địa giới hành chính huyện B thực hiện GPMB năm 2013, hộ gia đình ông Nguyễn Anh A bị thu hồi toàn bộ phần diện tích 420m² còn lại tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 10. Hồ sơ kỹ thuật thửa phần đất của ông Nguyễn Anh A phù hợp với hình thửa theo sơ đồ phân chia xác nhận ngày 01/8/2015, nhưng ông Nguyễn Anh A không ký tên xác nhận, hiện chưa nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

Từ những căn cứ như trên có thể xác định:

- Sơ đồ xác định vị trí sử dụng đất của các hộ gia đình tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 10 kèm theo biên bản làm việc ngày 01/8/2015 có sự chứng kiến của UBND xã B1 và chữ ký thống nhất của các hộ gia đình là chính xác với hồ sơ giải phóng mặt bằng của các hộ gia đình tại các dự án trước đây.

- Tại hồ sơ dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi do ông Nguyễn Anh A lập năm 2009 không có sơ đồ phân chia ranh giới vị trí sử dụng đất của các hộ gia đình, chỉ có bản kê tên và diện tích của các hộ gia đình do vậy có thể chưa chính xác.

- Việc lập phương án BT-HT cho các hộ gia đình tại dự án Đường giao thông từ làng nghề xã B1, huyện B đi khu đô thị Văn Quán, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội là chính xác. Hộ gia đình ông Nguyễn Anh A không có đất bị thu hồi tại dự án Đường giao thông từ làng nghề xã B1, huyện B đi khu đô thị Văn Quán, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, không được bồi thường, hỗ trợ về đất.

Theo hồ sơ lưu trữ tại UBND xã B1 và các giấy tờ do hộ gia đình ông Nguyễn Anh A cung cấp: Năm 2009 ông Nguyễn Anh A đã có đơn xin xây dựng trang trại trồng hoa, cây cảnh. Nội dung đơn ông A có nêu *“Thời gian vừa qua dự án xây dựng làng nghề B2 đã thu hồi 716m², sắp tới dự án xây dựng khu đô thị Tây Kim Giang sẽ thu hồi 1.544m² (đã hợp các hộ dân), trang trại của tôi chỉ còn lại 2.160m² sát đường vào khu làng nghề chăn nuôi, thủy sản không hiệu quả”*. Ông Nguyễn Anh A đề nghị cho phép được cải tạo, chuyển đổi diện tích 2.160m² còn lại sang trồng hoa, cây cảnh.

Ngày 05/4/2010 UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 736/QĐ-UBND ngày 05/4/2010 về việc phê duyệt dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi

Xây dựng trang trại trồng hoa, cây cảnh. Tại Quyết định trên có nêu rõ ông Nguyễn Anh A được phép:

- Phủ đất màu cao 0.5m trên diện tích 1.600m² để trồng hoa, cây cảnh.
- Dựng 01 khung sắt V4 phủ lưới bên trên và xung quanh, diện tích 500m² để trồng phong lan.
- Dựng hàng rào bảo vệ xung quanh: dựng cột bê tông (10 x 10)cm cột cách cột 2.5m, chằng lưới B40 cao 2,5m.
- Giữ nguyên hiện trạng 01 nhà tạm một tầng, mái lợp proximăng diện tích 25m² (có sẵn) để làm kho.

Tại Điều 2 Quyết định nêu rõ trách nhiệm của chủ dự án:

- Thực hiện đúng các nội dung được phê duyệt tại Quyết định này.
- Sử dụng đất đúng mục đích, có hiệu quả.
- Khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích khác, phải thanh lý các hợp đồng thuê đất, bàn giao mặt bằng ngay cho chủ đầu tư và được đền bù, hỗ trợ theo quy định hiện hành.

Căn cứ theo hiện trạng Tổ công tác thực hiện GPMB dự án điều tra, khảo sát, đo đạc kiểm đếm đất và tài sản gắn liền với đất. Ông Nguyễn Anh A đã xây dựng công trình nhà tạm trên diện tích 1.600m² theo dự án chuyển đổi do ông Nguyễn Anh A lập đã được UBND huyện phê duyệt dự án để trồng hoa, cây cảnh. Ông Nguyễn Anh A sử dụng đất không đúng theo mục đích lập dự án, công trình xây dựng không đúng theo quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 736/QĐ-UBND ngày 05/4/2010 của UBND huyện B về việc xin phê duyệt dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi xây dựng trang trại trồng hoa, cây cảnh và thời điểm xây dựng là năm 2010.

Như vậy, toàn bộ diện tích công trình ông Nguyễn Anh A xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp giao theo Nghị định 64/CP, sử dụng đất không đúng theo hợp đồng thuê đất của các hộ gia đình khác và Quyết định 736/QĐ-UBND ngày 05/4/2010 của UBND huyện B. Khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, ông Nguyễn Anh A không đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ đối với toàn bộ công trình xây dựng trên đất nông nghiệp do xây dựng không hợp pháp, sử dụng không đúng mục đích phê duyệt, chỉ được hỗ trợ 10% đơn giá công trình theo quy định tại khoản 3, Điều 14, Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố Hà Nội.

Cụ thể tại phương án bồi thường, hỗ trợ đối với công trình trong dự án, UBND huyện B đã áp dụng bồi thường, hỗ trợ cụ thể với các tài sản tại phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định số 8062/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND huyện về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Xây dựng đường giao thông từ làng nghề xã B1, huyện B đi khu đô thị Văn Quán, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

UBND huyện B nhận thấy toàn bộ chính sách bồi thường, hỗ trợ, UBND huyện phê duyệt đối với ông Nguyễn Anh A đúng với chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư quy định tại Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 (thời điểm phê duyệt phương án) của UBND Thành phố Hà Nội. Việc ban hành Quyết định số 8062/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 có đầy đủ căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật.

Việc ông Nguyễn Anh A yêu cầu hủy Quyết định số 8062/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Xây dựng đường giao thông từ làng nghề xã B1, huyện B đi khu đô thị Văn Quán, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội là không có cơ sở, đề nghị hội đồng xét xử bác các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh A.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND xã B1 trình bày:* Nhất trí với toàn bộ ý kiến của UBND huyện B, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác, trình bày:* Nhất trí với quan điểm khởi kiện và trình bày của ông A; đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông A.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 247/2020/HC-ST ngày 26/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 3; Điều 30; Điều 32; khoản 1 Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; điểm a khoản 2 Điều 66; Điều 67; Điều 69; Điều 71; Điều 74; Điều 75; Điều 82 Luật đất đai năm 2013; Luật người cao tuổi; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Anh A về việc yêu cầu hủy Quyết định số 8062/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án giao thông từ làng nghề xã B1, huyện B đi khu đô thị Văn Quán, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/10/2020 Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Anh A với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông hủy Quyết định số 8062.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo thay đổi nội dung kháng cáo là đề nghị sửa bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông A.

Ông A và bà A1 trình bày như sau: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội chưa đánh giá đúng nội dung và bản chất vụ án, nên đã bác

toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của người khởi kiện là trái pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Đất của gia đình ông A được cấp 1.020m², qua hai dự án năm 2004 và 2011 đã thu hồi tổng diện tích là 600m², còn lại 420m² nhưng Quyết định 8062 không phê duyệt bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích còn lại này. Hơn nữa, UBND huyện B chỉ bồi thường cho gia đình ông bằng 10% giá trị tài sản là quá thấp, không đúng với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, chấp nhận đơn khởi kiện của ông để hủy Quyết định số 8062 của UBND huyện B.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông A là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông Nguyễn Anh A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến Kiểm sát viên và đương sự về giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là Quyết định số 8062/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND huyện B, Thành phố Hà Nội “Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án giao thông từ làng nghề xã B1, huyện B đi khu đô thị Văn Quán, quận Hà Đông”. Đây là Quyết định hành chính cá biệt của UBND cấp huyện về lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm là của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 15/9/2016 ông Nguyễn Anh A khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội là đang trong thời hạn một năm, nên đang trong thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định

của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, hầu hết những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có yêu cầu xử vắng mặt, hoặc đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 158; khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

** Về nội dung vụ án:*

[3] Xét kháng cáo của phía người khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Về nội dung Quyết định 8062 không bồi thường, hỗ trợ về đất, thấy: Căn cứ các tài liệu quản lý đất đai thì hộ gia đình ông Nguyễn Anh A được giao diện tích 1.020m² đất mục đích để sản xuất nông nghiệp với thời hạn sử dụng 20 năm kể từ ngày 01/4/1999; ngày 10/5/2000 UBND huyện B, Thành phố Hà Nội đã cấp GCNQSD đất số Q817631, số vào sổ cấp GCNQSD đất 0355/QSDĐ/30/01 cho hộ gia đình ông Nguyễn Anh A tại thửa số 49, tờ bản đồ địa chính số 10 thôn B2, xã B1, huyện B, Thành phố Hà Nội. Ngoài hộ gia đình ông A ra, còn có 05 hộ gia đình khác cũng được cấp đất tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 10, gồm: Hộ gia đình ông Nguyễn Hữu A24, ông Nguyễn Hữu A12, bà Dương Thị A20, ông Nguyễn Hồng A8 và ông Giang Nguyên A16.

Quá trình sử dụng đất, năm 2005 thực hiện dự án xây dựng làng nghề tập trung tại xã B1, huyện B hộ gia đình ông A có bị ảnh hưởng bởi dự án nên đã bị thu hồi diện tích 135m², diện tích đất còn lại là 885m²; việc thu hồi này được gia đình ông A thừa nhận bằng việc ký xác nhận, nhận tiền bồi thường, bàn giao mặt bằng cho dự án và thông tin thay đổi về diện tích đất được cập nhật ngày 31/5/2007 tại GCNQSD đất. Như vậy, từ năm 2005 hộ gia đình ông A chỉ còn được sử dụng diện tích 885m² tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 10.

Năm 2011 dự án INDECO COMPLEX và dự án hạ ngầm đường điện 100kv lộ 172-176 Hà Đông - Thượng Đình đoạn cắt qua khu đô thị Tây Nam Kim Giang I, hộ gia đình ông A bị ảnh hưởng bởi dự án nên tiếp tục bị thu hồi diện tích 465m² theo Quyết định số 4006/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của UBND huyện B; diện tích đất của hộ ông A còn lại được sử dụng tại thửa số 49, tờ bản đồ số 10 là 420m²; việc thay đổi diện tích này đã được ghi vào GCNQSD đất ngày 24/4/2012; Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đã được thực hiện xong, hộ gia đình ông A đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư.

Tại dự án giải phóng mặt bằng và san nền sơ bộ khu đô thị Tây Kim Giang I theo địa giới hành chính huyện B, năm 2013 thực hiện giải phóng mặt bằng hộ gia đình ông A nằm trong vùng bị ảnh hưởng bởi dự án, nên bị thu hồi toàn bộ diện tích đất còn lại mà gia đình được quyền sử dụng tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 10 là 420m². Việc thu hồi đất được thực hiện bằng Quyết định thu hồi đất số 7792/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 của UBND huyện B, đồng thời được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quyết định số 8235/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND huyện B. Căn cứ quyết định bồi thường, hỗ trợ này thì gia đình ông A

được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 76.860.000đ. Tuy nhiên, hộ gia đình ông A chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và chưa bàn giao mặt bằng.

Căn cứ hồ sơ kỹ thuật thửa đất phục vụ cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án thấy phù hợp với sơ đồ vị trí sử dụng đất của các hộ gia đình được sử dụng đất tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 10 kèm theo biên bản làm việc được lập ngày 01/8/2015, có sự chứng kiến của UBND xã B1 và các hộ gia đình thống nhất, ký xác nhận là chính xác.

Như vậy, toàn bộ diện tích đất nông nghiệp gia đình ông A được giao sử dụng (theo GCNQSD đất đã cấp cho gia đình) đã bị thu hồi toàn bộ là 1.020m² bởi các dự án trước đây. Do đó, tại dự án đường giao thông từ làng nghề xã B1, huyện B đi khu đô thị Văn Quán, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội không thu hồi đất của hộ gia đình ông A; từ đó UBND huyện B ban hành Quyết định số 8062 không bồi thường, hỗ trợ về đất cho gia đình ông A là đúng quy định.

Theo ông A, ngoài diện tích đất ông được giao để sử dụng thì năm 2009 để thực hiện dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, ông A còn thuê của ông A8, ông A16, bà A20 diện tích 1.530m² đất tại thửa số 49, tờ bản đồ số 10 và diện tích của gia đình ông Nguyễn Anh A là 630m², tổng dự án là 2.160m². Tuy nhiên, theo bảng tự kê khai của ông A, có xác nhận của UBND xã B1 thì trong số diện tích 630m² này có 430m² của hộ gia đình ông Nguyễn Anh A12 và 200m² của hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc Quý. Do tại GCNQSD đất của các hộ, cũng như bản đồ địa chính của xã không thể hiện sơ đồ vị trí thửa đất của các hộ, nên khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, UBND xã đã mời các hộ đến để thống nhất vị trí sử dụng đất của mình, các hộ gia đình đã thống nhất toàn bộ diện tích đất nông nghiệp mà hộ gia đình ông A đang thực hiện dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng là của 05 hộ gia đình; vị trí, ranh giới và diện tích của các hộ đã thể hiện trên sơ đồ phù hợp với giấy xác nhận về việc sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất bị thu hồi, còn tài sản trên đất là của hộ gia đình ông A. Như vậy, không có căn cứ khẳng định trong thửa đất số 49, tờ bản đồ số 10 còn đất của ông A, mà diện tích 420m² của ông đã bị thu hồi theo Quyết định số 7792/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 của UBND huyện B, nhưng ông A chưa bàn giao cho dự án. Do đó, ông A cho rằng gia đình ông còn diện tích 420m² nhưng không được bồi thường là không có căn cứ.

[3.2] Đối với việc bồi thường, hỗ trợ giá trị tài sản trên đất, thấy: Như đã phân tích ở trên, căn cứ hồ sơ quản lý đất đai, sự thống nhất của các hộ gia đình có đất tại thửa số 49, tờ bản đồ số 10, thì toàn bộ tài sản trên đất là của hộ gia đình ông Nguyễn Anh A xây dựng để thực hiện dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, xây dựng trang trại trồng hoa, cây cảnh; dự án đã được cơ quan có thẩm quyền là UBND huyện B phê duyệt. Tuy nhiên, theo quyết định phê duyệt thì hộ gia đình ông A chỉ được dựng khung sắt V4 phủ lưới bên trên và xung quanh với diện tích 500m²; dựng hàng rào bảo vệ xung quanh bằng cột bê tông (10x10)cm, cột cách cột 2,5m, chằng lưới B40 cao 2,5m, giữ nguyên 01 nhà tạm mái lợp Proximang diện tích 25m² (đã có sẵn) để làm kho; nhưng thực tế theo biên bản điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm tài sản để phục vụ cho công tác đền

bù, giải phóng mặt bằng được lập ngày 17/10/2015 của Hội đồng giải phóng mặt bằng thì toàn bộ tài sản trên đất đều không đúng với quyết định phê duyệt của UBND huyện B; ông A cũng thừa nhận do dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng không có hiệu quả nên gia đình ông đã tự ý chuyển sang trồng nấm và xây dựng nhà tạm cho thuê, việc thay đổi này không được sự đồng ý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên có căn cứ khẳng định đây là công trình xây dựng không phép được xây dựng trên đất nông nghiệp, (xây dựng năm 2010 theo xác nhận của UBND xã B1). Theo đó, UBND huyện B chỉ bồi thường, hỗ trợ bằng mức 10% giá trị tài sản là đúng quy định tại Điều 91 Luật đất đai năm 2013; Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 14 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND, ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố Hà Nội.

[4] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 8062, thấy: UBND huyện B ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 66; Điều 69 Luật đất đai. Về trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 8062, căn cứ quyết định thu hồi đất UBND huyện B đã có thông báo về việc thu hồi đất, tổ chức họp dân để công khai các văn bản và triển khai công tác giải phóng mặt bằng và tiến hành điều tra, khảo sát đo đạc kiểm đếm ghi nhận hiện trạng sử dụng đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo đúng quy định, tổ chức đối thoại với những người dân bị ảnh hưởng bởi dự án, sau đó mới ban hành quyết định số 8062. Như vậy, UBND huyện B đã thực hiện trình tự, thủ tục đúng quy định theo Luật đất đai, Nghị định số 47 của Chính phủ về trình tự thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng. Vì vậy, người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 8062 nêu trên không có căn cứ để chấp nhận.

Tổng hợp các phân tích trên, thấy rằng: Cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ; quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đã xem xét đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Về án phí phúc thẩm: Người kháng cáo không được chấp nhận lẽ ra phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng ông A là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí nên miễn án phí phúc thẩm cho ông A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Anh A; giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 247/2020/HC-ST ngày 26/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Anh A.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- Cục THADS Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm